

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN**BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ
PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 58/2007/QĐ-BNN

Hà Nội, ngày 15 tháng 6 năm 2007

QUYẾT ĐỊNH**ban hành Quy định về trang phục, phù hiệu, cấp hiệu, biển hiệu,
thẻ kiểm dịch thực vật và chế độ cấp phát, sử dụng đối với
cán bộ, công chức, viên chức kiểm dịch thực vật****BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN**

Căn cứ Nghị định số 86/2003/NĐ-CP ngày 18/7/2003 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Căn cứ Pháp lệnh bảo vệ và kiểm dịch thực vật năm 2001;

Căn cứ Nghị định số 02/2007/NĐ-CP ngày 05/01/2007 của Chính phủ về Kiểm dịch thực vật;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Bảo vệ thực vật,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này “Quy định về trang phục, phù hiệu, cấp hiệu, biển hiệu, thẻ kiểm dịch thực vật và chế độ cấp phát, sử dụng đối

với cán bộ, công chức, viên chức kiểm dịch thực vật.”

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau mười lăm ngày, kể từ ngày đăng Công báo, thay thế Quyết định số 192/NN-BVTV/QĐ ngày 31/3/1994 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Công nghiệp thực phẩm (nay là Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn). Những quy định trước đây trái với Quyết định này đều bãi bỏ.

Điều 3. Cục trưởng Cục Bảo vệ thực vật, Chánh Văn phòng Bộ, Thủ trưởng các đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Bùi Bá Bổng

QUY ĐỊNH**về trang phục, phù hiệu, cấp hiệu, biển hiệu, thẻ kiểm dịch thực vật
và chế độ cấp phát, sử dụng đối với cán bộ, công chức,
viên chức kiểm dịch thực vật**

*(ban hành kèm theo Quyết định số 58/2007/QĐ-BNN ngày 15 tháng 6 năm 2007
của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)*

Chương I**QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

Quy định về trang phục, phù hiệu, biển hiệu, thẻ kiểm dịch thực vật và chế độ cấp phát, sử dụng.

Quy định này áp dụng đối với cán bộ, công chức, viên chức làm công tác kiểm dịch thực vật có chức danh theo tiêu chuẩn do nhà nước quy định và cán bộ lãnh đạo kiêm nhiệm các chức danh đó.

Điều 2. Mục đích sử dụng

1. Kiểm dịch thực vật hiệu được in trên một số loại giấy tờ, biểu mẫu, phương tiện công tác chuyên dùng, vật lưu niệm và các biểu trưng khác của ngành.

2. Phù hiệu kiểm dịch thực vật được gắn trên mũ kê pi, mũ mềm và đeo trên ve cổ áo trang phục kiểm dịch thực vật.

3. Cấp hiệu kiểm dịch thực vật được gắn trên vai áo trang phục kiểm dịch thực vật để phân biệt chức vụ của lãnh đạo cơ quan kiểm dịch thực vật có thẩm quyền các cấp và ngạch bậc của cán bộ, công chức, viên chức chuyên môn, nghiệp vụ kiểm dịch thực vật.

4. Biển hiệu kiểm dịch thực vật được đeo ở ngực trái trang phục kiểm dịch thực vật.

5. Thẻ kiểm dịch thực vật do Cục trưởng Cục Bảo vệ thực vật cấp để sử dụng và xuất trình trong quá trình thực hiện nhiệm vụ của cán bộ, công chức, viên chức kiểm dịch thực vật.

6. Trang phục kiểm dịch thực vật gồm: quần, áo (xuân-hè, thu-đông), mũ kê pi, mũ mềm, cà vạt (caravat), giày, áo đi mưa, cặp đựng tài liệu, áo ấm và một số trang phục niên hạn khác được cán bộ, công chức, viên chức quy định tại Điều 1 sử dụng trong khi thi hành công vụ.

09.6537

Điều 3. Hành vi nghiêm cấm

1. Nghiêm cấm việc tẩy xóa, sửa chữa thẻ kiểm dịch thực vật hoặc cho mượn trang phục, phù hiệu, cấp hiệu, biển hiệu, thẻ kiểm dịch thực vật; khi làm mất phải khai báo với cơ quan chủ quản.

2. Nghiêm cấm các tổ chức, cá nhân sản xuất, tàng trữ, vận chuyển, mua bán và sử dụng trang phục, phù hiệu, cấp hiệu, biển hiệu, thẻ kiểm dịch thực vật trái với Quy định này.

Chương II TRANG PHỤC KIỂM DỊCH THỰC VẬT

Điều 4. Quần áo đồng phục

1. Quần áo xuân - hè: Quần màu xanh tím than sẫm, kiểu quần âu; áo màu trắng, kiểu bludông (blouson) cổ bẻ, cộc tay hoặc dài tay.

2. Quần áo thu - đông: Quần áo màu xanh tím than sẫm. Quần kiểu quần âu; áo may kiểu áo vét (vest) có hai ve, cổ áo phần trên to, hai thân 4 túi có nắp, một hàng khuy cùng màu với màu quần áo (kiểu K-82 của lực lượng vũ trang).

3. Áo mặc trong áo thu - đông là áo sơ mi màu trắng, dài tay, cổ đứng dùng cho cả nam và nữ.

4. Áo chống rét màu xanh tím than sẫm, kiểu măng tô san, cổ hai ve to để đeo phù hiệu; có 02 túi chéo, chìm ở bên hông, một hàng khuy.

5. Riêng đối với nữ có thể thay quần bằng Jíp (juyp) màu xanh tím than sẫm dài quá gối.

Điều 5. Cà vạt

Kiểu mẫu thông thường, màu xanh tím than sẫm dùng chung cho cả nam và nữ.

Điều 6. Mũ

1. Mũ kêpi: Lưỡi trai màu đen, vành đai màu xanh lá cây, thân mũ màu xanh tím than sẫm.

2. Mũ mềm: Màu xanh tím than sẫm, kiểu mũ mềm của lực lượng vũ trang.

Điều 7. Giày, dép

Giày màu đen, thấp cổ, gót cao vừa phải dùng cho cả xuân - hè, thu - đông.

Dép có quai hậu màu đen, gót cao vừa phải dùng cho trang phục xuân - hè.

Điều 8. Cặp đựng tài liệu

Cặp đựng tài liệu màu đen, được làm bằng da hoặc giả da, có nắp

Điều 9. Trang phục niên hạn khác

Bao gồm ủng cao su, găng tay, quần áo bảo hộ lao động, áo blu (blouse) trắng, áo đi mưa, thắt lưng, khẩu trang... được cấp phát theo quy định.

Chương III
KIỂM DỊCH THỰC VẬT HIỆU,
PHÙ HIỆU VÀ CẤP HIỆU
KIỂM DỊCH THỰC VẬT

Điều 10. Kiểm dịch thực vật hiệu (hình 1 Phụ lục 1)

Hình tròn nền màu đỏ tươi. Chính giữa hình tròn có một bông lúa màu vàng, phần gốc của bông lúa ở về phía đáy hình tròn và ngọn chạy dài tới mép phía trên của hình tròn, 1 con rắn màu trắng bạc quấn lấy bông lúa. Phía sau bông lúa và con rắn có 1 hình cánh én nằm thẳng góc với trục bông lúa và có màu xanh lơ nhạt. Phía dưới hình cánh én là một mỏ neo màu đen, cán mỏ neo ẩn sau bông lúa và con rắn, 2 móc neo chia ra 2 bên phần gốc bông lúa. Phía dưới mỏ neo và gốc bông lúa, phần đáy hình tròn có một phần bánh xe răng cưa màu xanh đậm. Dưới đáy bánh xe là hình mặt phẳng viền vàng, nền màu xanh lá cây bên trong có chữ KDTV (viết tắt của kiểm dịch thực vật) màu đen.

Điều 11. Phù hiệu kiểm dịch thực vật

1. Phù hiệu gắn trên mũ kêpi (hình 2 Phụ lục 1) gồm hai phần. Phần bên trong là toàn bộ phần kiểm dịch thực vật hiệu được làm bằng kim loại, đường kính 35mm. Phần bên ngoài là hai cánh lá

màu vàng bằng kim loại được gắn liền và ôm lấy hình tròn bên trong.

2. Phù hiệu gắn trên mũ mềm là kiểm dịch thực vật hiệu đeo ở mũ kêpi, có đường kính 30 mm nhưng không có hình hai cánh lá màu vàng ôm phía ngoài.

3. Phù hiệu đeo ở ve cổ áo (hình 4 Phụ lục 1): có hình bình hành, góc nhọn là 45° , góc tù là 135° , dài 55 mm, cao 30 mm, nền màu xanh tím than. Chính giữa là một phần của kiểm dịch thực vật hiệu (hình 3 Phụ lục 1) gồm một bông lúa màu vàng và một con rắn màu trắng bạc quấn từ gốc lên đến ngọn bông lúa, đầu rắn quay ra phía ngoài của bông lúa. Phía sau bông lúa và con rắn có 1 hình cánh én nằm thẳng góc với trục bông lúa và có màu xanh lơ nhạt. Phía dưới hình cánh én là một mỏ neo màu đen, cán mỏ neo ẩn sau bông lúa và con rắn, 2 móc neo chia ra 2 bên phần gốc bông lúa.

Điều 12. Cấp hiệu kiểm dịch thực vật

1. Cấp hiệu kiểm dịch thực vật kiểu cơ bản (hình 7 Phụ lục 2) là một hình ngũ giác, viền xung quanh màu vàng sáng, một đầu bằng, đầu kia nhọn ở phía mút (cấu tạo bởi một hình thang đứng, đáy lớn 45 mm, đáy nhỏ 40 mm, cao 110 mm và một hình tam giác cân có đáy chung với đáy nhỏ của hình thang và chiều cao 10 mm). Ở phía đầu nhọn của cấp hiệu gắn cúc của cấp hiệu.

Cúc của cấp hiệu (hình 5 Phụ lục 2) là một hình tròn bằng kim loại đường kính 14 mm, nền màu vàng sáng trên có một cụm lá (3 chiếc lá) màu xanh lá cây đậm, cuống lá chụm lại ở một phía còn ngọn lá xòe ra ở phía đối diện.

2. Sao năm cánh trên nền cấp hiệu (hình 6 Phụ lục 2) bằng kim loại, nền màu vàng sáng bóng, hình nổi; có kích thước 15 mm, chiều cao 5 mm. Sao được gắn thành hàng thẳng dọc và cách đều nhau ở giữa cấp hiệu thể hiện chức vụ lãnh đạo cơ quan kiểm dịch thực vật các cấp.

3. Gạch của cấp hiệu bằng lụa màu vàng sáng bóng có chiều dài 44 mm, chiều rộng 4 mm được gắn trên nền phía đáy lớn của cấp hiệu dùng để phân biệt các ngạch khác nhau của cán bộ, công chức chuyên môn, nghiệp vụ. Mỗi gạch cách nhau 2 mm.

Điều 13. Quy định cấp hiệu cho từng cấp

1. Cán bộ, công chức, viên chức có chuyên môn, nghiệp vụ về kiểm dịch thực vật: Là cấp hiệu kiểu cơ bản, có nền cấp hiệu màu xanh tím than đồng màu với nền phù hiệu đeo ở ve cổ áo.

2. Chuyên viên làm công tác kiểm dịch thực vật tại Cục Bảo vệ thực vật: là cấp hiệu kiểu cơ bản có nền màu xanh lá cây đậm.

3. Quy định cho từng ngạch bậc

a) Ngạch kỹ thuật viên kiểm dịch thực vật (hình 8 Phụ lục 2): có gắn 01 gạch hình chữ vê (V);

b) Ngạch kiểm dịch viên thực vật (hình 9 Phụ lục 2): có gắn 01 gạch ngang;

c) Ngạch kiểm dịch viên chính thực vật (hình 10 Phụ lục 2) có gắn 02 gạch ngang;

d) Ngạch kiểm dịch viên cao cấp thực vật (hình 11 Phụ lục 2) có gắn 03 gạch ngang;

đ) Ngạch chuyên viên (hình 12 Phụ lục 2) có gắn 01 gạch ngang;

e) Ngạch chuyên viên chính (hình 13 Phụ lục 2) có gắn 02 gạch ngang;

g) Ngạch chuyên viên cao cấp (hình 14 Phụ lục 2) có gắn 03 gạch ngang.

4. Quy định cấp hiệu theo chức vụ:

a) Cấp hiệu lãnh đạo Trạm Kiểm dịch thực vật của các đơn vị kiểm dịch thực vật trực thuộc Cục Bảo vệ thực vật và tương đương: là cấp hiệu theo quy định tại khoản 1 Điều này.

- Cấp hiệu của cấp phó có gắn 01 ngôi sao (hình 15 Phụ lục 2);

- Cấp hiệu của cấp trưởng có gắn 02 ngôi sao (hình 16 Phụ lục 2).

b) Cấp hiệu lãnh đạo tại các đơn vị kiểm dịch thực vật trực thuộc Cục Bảo vệ thực vật và tương đương: là cấp hiệu theo quy định tại khoản 1 Điều này.

- Cấp hiệu của cấp phó có gắn 03 ngôi sao (hình 17 Phụ lục 2);

- Cấp hiệu của cấp trưởng có gắn 04 ngôi sao (hình 18 Phụ lục 2);

c) Cấp hiệu lãnh đạo Phòng Kiểm dịch thực vật thuộc Cục Bảo vệ thực vật: là cấp hiệu theo quy định tại khoản 2 Điều này;

- Cấp hiệu của Phó Trưởng phòng có gắn 01 ngôi sao (hình 19 Phụ lục 2);

- Cấp hiệu của Trưởng phòng có gắn 02 ngôi sao (hình 20 Phụ lục 2).

d) Cấp hiệu lãnh đạo Cục Bảo vệ thực vật: là cấp hiệu theo quy định tại khoản 2 Điều này.

- Cấp hiệu của Phó Cục trưởng có gắn 03 ngôi sao (hình 21 Phụ lục 2);

- Cấp hiệu của Cục trưởng có gắn 04 ngôi sao (hình 22 Phụ lục 2).

Chương IV

BIÊN HIỆU VÀ THẺ KIỂM DỊCH THỰC VẬT

Điều 14. Biên hiệu kiểm dịch thực vật (hình 23 Phụ lục 3)

Hình chữ nhật bằng kim loại có ghim cài, viền màu đỏ rộng 0,4 mm bên trong có chữ “Kiểm dịch thực vật Việt Nam - Plant quarantine service of Vietnam” màu vàng. Bên trong đường viền có nền màu xanh lá cây, phần bên trái có phù hiệu kiểm dịch thực vật gồm bông lúa, mỏ neo, cánh én và con răn quần bông lúa. Phần còn lại bên phải có họ và tên cán bộ kiểm dịch thực vật và số hiệu thẻ kiểm dịch thực vật.

Điều 15. Thẻ kiểm dịch thực vật

1. Thẻ kiểm dịch thực vật là loại giấy chứng nhận về hình ảnh, họ tên, năm sinh, chức danh, đơn vị công tác của mỗi cán bộ, công chức làm công tác kiểm dịch thực vật hoặc kiêm nhiệm được công nhận hợp pháp.

Thẻ kiểm dịch thực vật được cấp cho các cán bộ, công chức, viên chức làm công tác kiểm dịch thực vật theo Điều 1 của Quy định này. Khi không hoạt động hoặc ngừng hoạt động từ 6 tháng trở lên trong lĩnh vực kiểm dịch thực vật thì người được cấp phải nộp lại thẻ cho cơ quan đã cấp.

2. Thẻ được làm bằng bìa cứng có ép plastic; hình chữ nhật, rộng 70 mm, dài 100 mm, có 02 đường viền màu xanh lá cây; nền màu trắng in hoa văn màu vàng nhạt. Hai mặt của thẻ kiểm dịch thực vật được quy định như sau:

a) Mặt trước (hình 24 Phụ lục 3):

Bên trái từ trên xuống là tên cơ quan cấp thẻ; kiểm dịch thực vật hiệu hình tròn có đường kính 19 mm; ảnh của người được cấp thẻ (ảnh chụp kiểu chứng minh thư 20 x 30 mm mang trang sắc phục kiểm dịch thực vật), góc dưới bên phải của ảnh được đóng dấu nổi của cơ quan cấp thẻ;

Bên phải từ trên xuống chữ hoa “CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM”; hàng dưới “Độc lập - Tự do - Hạnh phúc”; riêng chữ hoa “THẺ KIỂM DỊCH THỰC VẬT” được in màu đỏ; số hiệu, họ tên, năm sinh, chức danh, nơi công tác;

b) Mặt sau (hình 25 phụ lục 3): Phía trên chữ hoa “NHỮNG QUY ĐỊNH ĐỐI VỚI NGƯỜI ĐƯỢC CẤP THẺ KIỂM DỊCH THỰC VẬT” được in màu đỏ; nội dung của những quy định; địa danh, ngày, tháng, năm cấp thẻ; chức danh, chữ ký, họ tên người cấp thẻ và đóng dấu.

3. Tiêu chuẩn được cấp thẻ kiểm dịch thực vật:

a) Có trình độ chuyên môn từ trung cấp trở lên (chuyên ngành bảo vệ thực vật hoặc trồng trọt hoặc sinh học);

b) Đã hoàn thành ít nhất một lớp tập huấn chuyên môn, nghiệp vụ về công tác

kiểm dịch thực vật do Cục bảo vệ thực vật hoặc các đơn vị được Cục Bảo vệ thực vật ủy quyền tổ chức tập huấn.

Chương V

QUY TẮC SỬ DỤNG VÀ CHẾ ĐỘ CẤP PHÁT TRANG PHỤC, PHÙ HIỆU, BIÊN HIỆU, CẤP HIỆU KIỂM DỊCH THỰC VẬT

Điều 16. Quy định mang trang phục, phù hiệu, biên hiệu, cấp hiệu kiểm dịch thực vật

Trang phục, phù hiệu, cấp hiệu, biên hiệu kiểm dịch thực vật phải được mang chỉnh tề và đồng bộ, cụ thể là:

1. Quần áo xuân - hè, thu - đông phải đồng bộ.

2. Áo phải cài khuy cổ tay, cổ áo, trường hợp cần phải xắn tay áo thì phải xắn gọn.

3. Phù hiệu đeo ở ve cổ áo phải đeo ở ve trên (nếu 2 ve cổ bẻ) phải đặt 2 cạnh của phù hiệu song song với 2 cạnh của ve áo và cách 2 cạnh đó 3 - 4 mm, hình đầu rắn trên bông lúa quay ra ngoài. Nếu mặc áo vét (K-82) thì phù hiệu đeo ở ve áo vét (K-82) chứ không đeo ở ve cổ sơ mi lót bên trong. Không đeo phù hiệu ở ve cổ áo khoác bên ngoài áo vét (K-82) hoặc bên ngoài áo sơ mi bludông.

4. Phù hiệu đeo ở mũ thì cạnh dưới của phù hiệu phải tiếp sát đường vành mũ nối với lưỡi trai, còn cạnh trên có thể chòem lên thân mũ (cả mũ kê pi và mũ mềm).

5. Biền hiệu đeo ở phía trên ngực trái (trên hoặc chòem lên túi ngực trái), được phép đeo vào áo khoác ngoài nhưng không được đeo vào áo mưa.

6. Đã đeo phù hiệu ở mũ thì phải đeo phù hiệu ở ve cổ áo. Đã đeo cấp hiệu ở vai thì phải đeo phù hiệu ở ve cổ áo và ở mũ.

Điều 17. Chế độ cấp phát và sử dụng trang phục, phù hiệu, biền hiệu, cấp hiệu

Việc sử dụng trang phục, phù hiệu, biền hiệu, cấp hiệu phải đúng đối tượng, hợp lý, đảm bảo tư thế cán bộ, công chức, viên chức nhà nước. Số lượng và thời hạn sử dụng trang phục, phù hiệu, cấp hiệu, biền hiệu được áp dụng tùy theo mức hư hao thực tế do điều kiện sử dụng ở từng vùng, từng địa bàn hoạt động của người sử dụng trong giới hạn cụ thể sau đây:

1. Quần áo xuân - hè: 01 bộ/01 năm (năm đầu cấp 02 bộ);

a) Nam: 01 áo cộc tay hoặc dài tay, 01 quần;

b) Nữ: 01 áo cộc tay hoặc dài tay, 01 quần hoặc Jíp (juyp).

2. Quần áo thu - đông: 01 bộ/02 năm (năm đầu cấp 02 bộ);

Đối với các tỉnh, thành phố phía Nam có thể thay bộ thu đông bằng bộ xuân hè: 01 bộ/01 năm.

3. Áo sơ mi trắng mặc trong áo thu - đông: 01 chiếc/02 năm (năm đầu cấp 02 chiếc).

4. Kiểm dịch thực vật hiệu, phù hiệu, cấp hiệu, biền hiệu: Khi hỏng thì đổi.

5. Mũ kê pi, mũ mềm: 01 chiếc/02 năm.

6. Cà vạt (Cravat): 01 chiếc/02 năm.

7. Giày da: 01 đôi/02 năm.

8. Dép quai hậu: 01 đôi/01 năm.

9. Tất chân: 02 đôi/01 năm.

10. Áo chống rét: 01 chiếc/05 năm.

11. Cặp đựng tài liệu: 01 chiếc/02 năm.

12. Áo đi mưa: 01 chiếc/02 năm.

13. Trang phục niên hạn khác sử dụng đối với cán bộ, công chức, viên chức thường xuyên tiếp xúc với các yếu tố độc hại:

a) Quần áo bảo hộ lao động: 01 bộ/01 năm (năm đầu cấp 02 bộ);

b) Ủng cao su: Khi hỏng thì đổi;

c) Găng tay cao su: Khi hỏng thì đổi;

d) Áo blu (blouse) trắng (làm việc trong phòng thí nghiệm): 01 chiếc/01 năm (năm đầu cấp 02 chiếc);

đ) Kính bảo hộ lao động: Khi hỏng thì đổi;

e) Khẩu trang: Khi hỏng thì đổi (lần đầu cấp 02 chiếc);

g) Thắt lưng giả da: 01 chiếc/03 năm.

Điều 18. Quản lý việc cấp phát và sử dụng trang phục, phù hiệu, biển hiệu, cấp hiệu

1. Việc quản lý trang phục, phù hiệu, cấp hiệu, biển hiệu, thẻ kiểm dịch thực vật phải đúng chế độ, quy tắc sử dụng, đúng đối tượng theo Quy định này.

2. Đối tượng theo quy định tại Điều 1 của Quy định này khi thôi đảm nhận công tác kiểm dịch thực vật, phải nộp lại cho cơ quan quản lý toàn bộ mũ kê pi, mũ mềm, phù hiệu, cấp hiệu, biển hiệu, thẻ kiểm dịch thực vật.

3. Kinh phí may sắm trang phục được trích từ nguồn kinh phí hàng năm của đơn vị.

4. Cục Bảo vệ thực vật chịu trách nhiệm hướng dẫn việc may sắm, quản lý và cấp phát cấp hiệu, phù hiệu, biển hiệu, thẻ kiểm dịch thực vật trong toàn quốc. Việc cấp phát không nhất thiết phải đúng kỳ hạn nhưng phải đảm bảo đúng thời hạn sử dụng đã quy định.

5. Thủ trưởng các đơn vị kiểm dịch thực vật thuộc Cục Bảo vệ thực vật, Chi cục Bảo vệ thực vật các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm tổ chức may sắm, cấp phát trang phục theo đúng Quy định này./.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Bùi Bá Bồng

Phụ lục 1

BIỂU TƯỢNG, KIỂM DỊCH HIỆU, PHÙ HIỆU KIỂM DỊCH THỰC VẬT
(ban hành kèm theo Quyết định số 58/2007/QĐ-BNN ngày 15 tháng 6 năm 2007
của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)



Hình 1
Kiểm dịch thực vật hiệu



Hình 2
Phù hiệu kiểm dịch thực vật gắn trên
mũ kê pi



Hình 3
Một phần kiểm dịch
thực vật hiệu

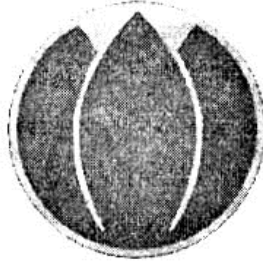


Hình 4
Phù hiệu kiểm dịch thực vật
gắn trên ve áo

Phụ lục 2

CẤP HIỆU KIỂM DỊCH THỰC VẬT

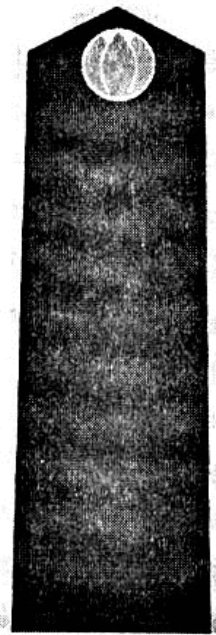
(ban hành kèm theo Quyết định số 58/2007/QĐ-BNN ngày 15 tháng 6 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)



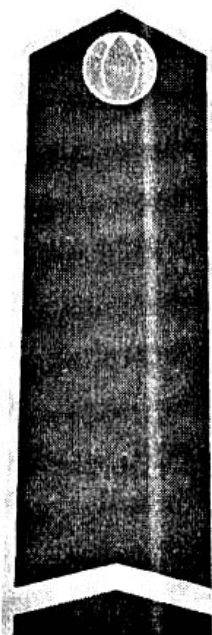
Hình 5. Cúc gắn trên cấp hiệu



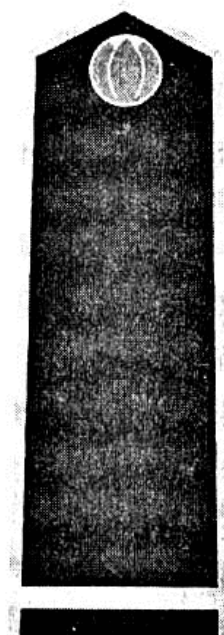
Hình 6. Sao gắn trên cấp hiệu



Hình 7
Cấp hiệu cơ bản



Hình 8
Cấp hiệu kỹ thuật viên
kiểm dịch thực vật



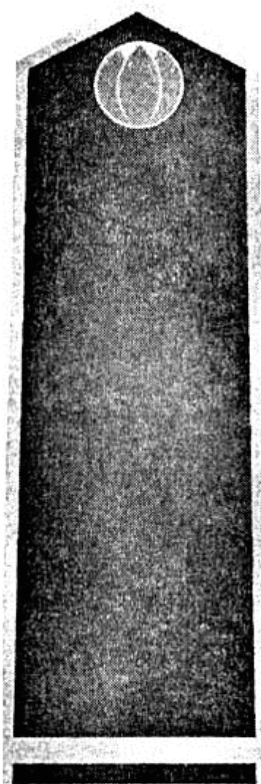
Hình 9
Cấp hiệu kiểm dịch viên
thực vật



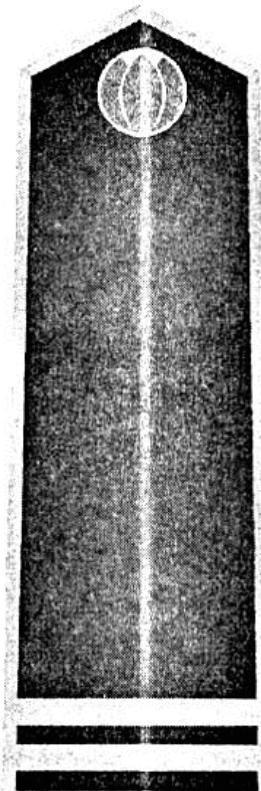
Hình 10
Cấp hiệu kiểm dịch viên chính
thực vật



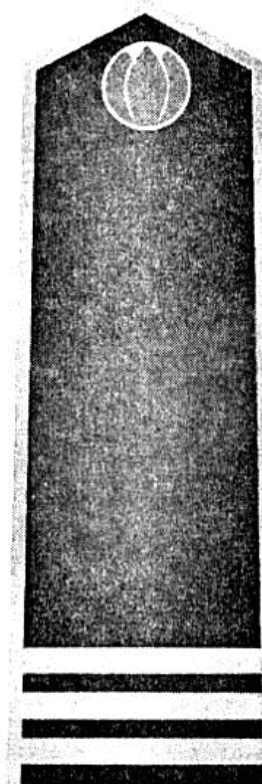
Hình 11
Cấp hiệu kiểm dịch viên cao cấp
thực vật



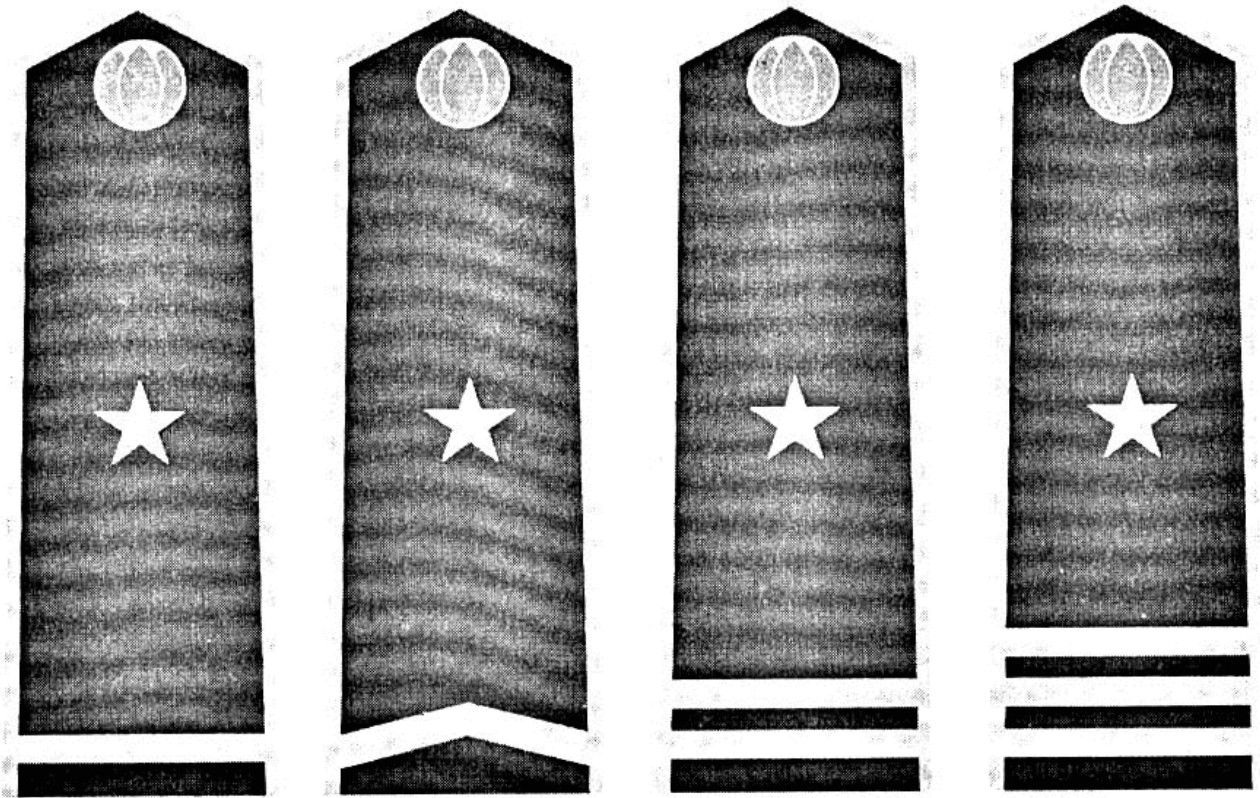
Hình 12
Cấp hiệu chuyên viên



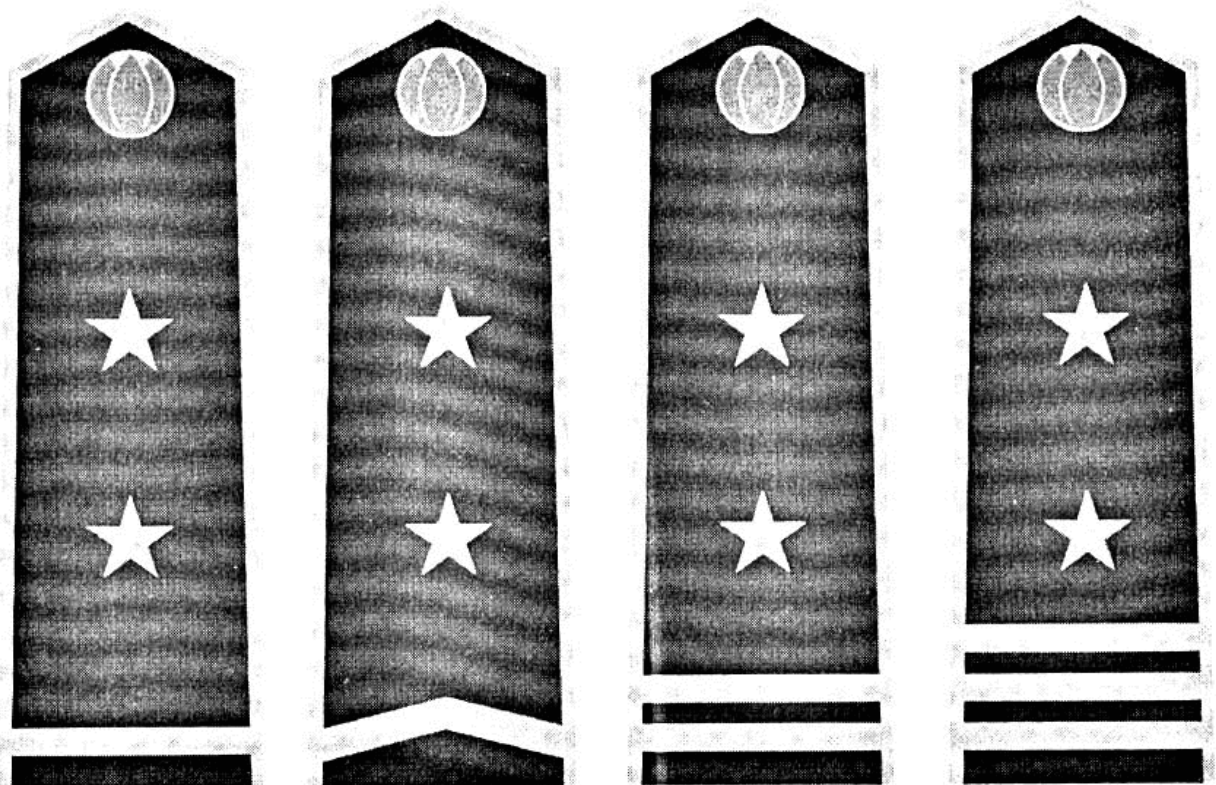
Hình 13
Cấp hiệu chuyên
viên chính



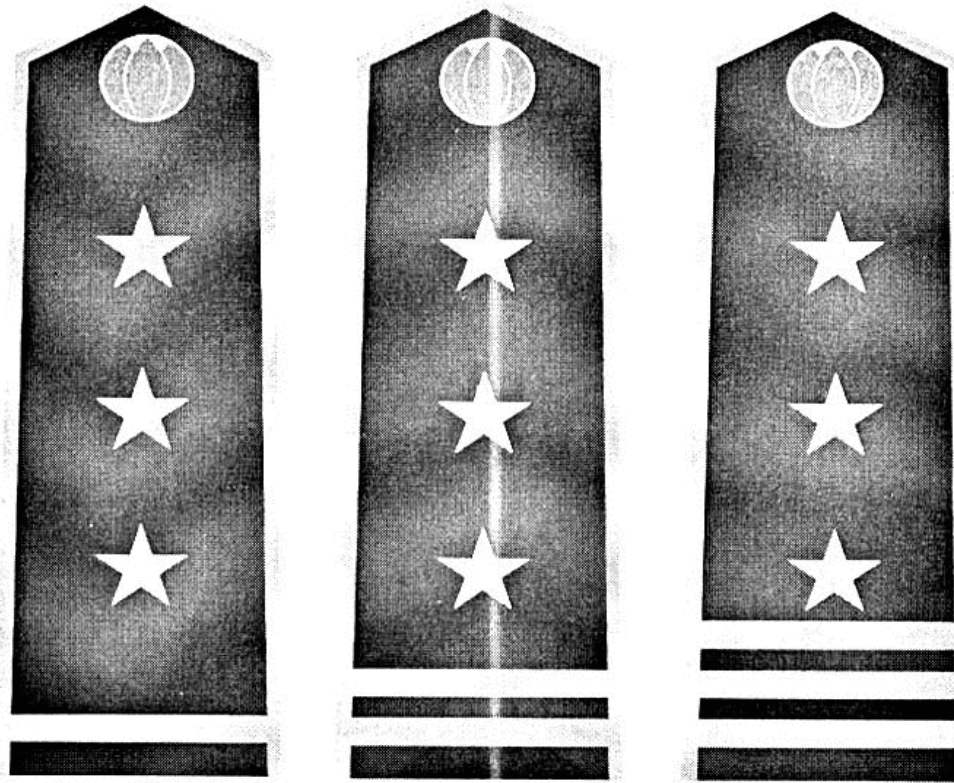
Hình 14
Cấp hiệu chuyên viên
cao cấp



Hình 15
Cấp hiệu Phó Trạm trưởng và tương đương

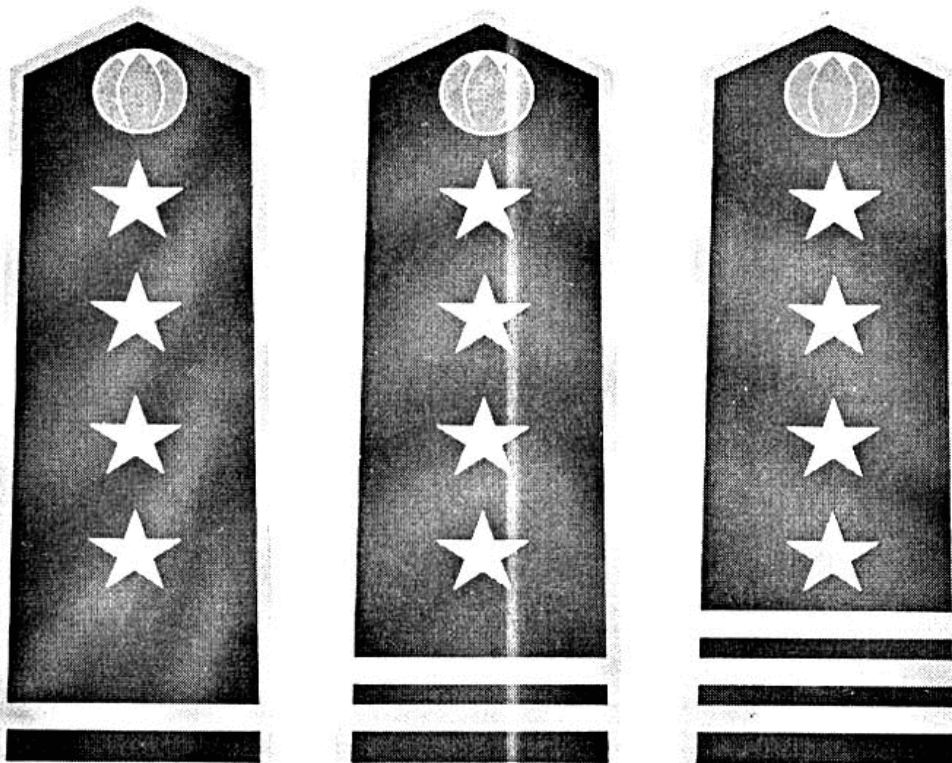


Hình 16
Cấp hiệu Trạm trưởng và tương đương



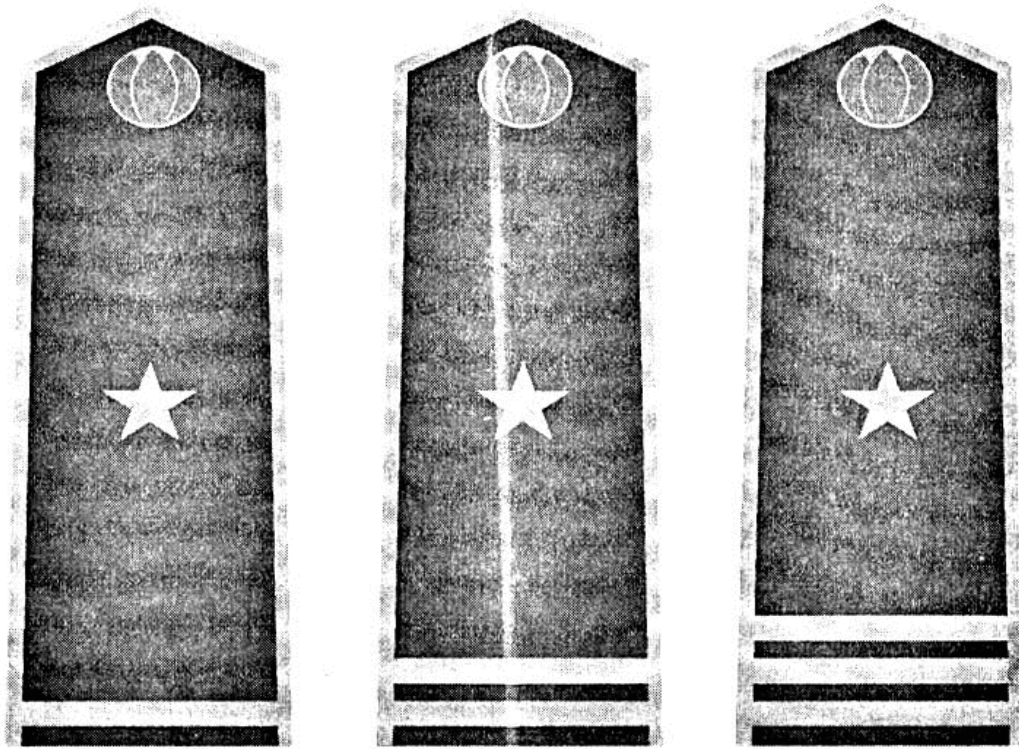
Hình 17

Cấp hiệu Phó Chi cục trưởng và tương đương



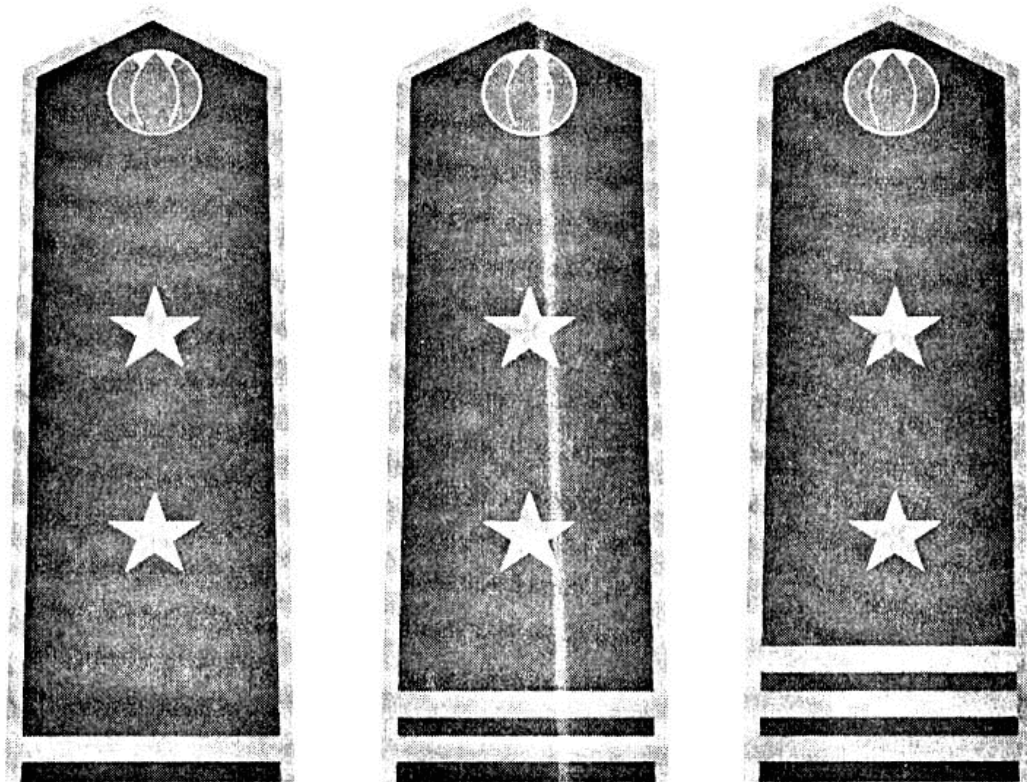
Hình 18

Cấp hiệu Chi cục trưởng và tương đương



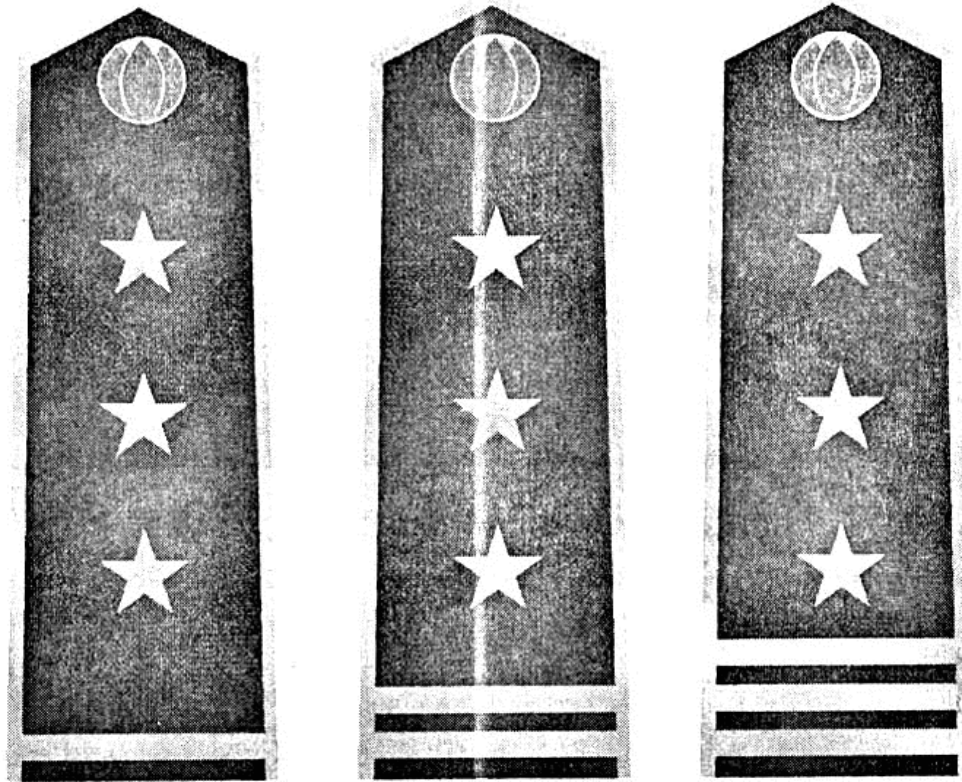
Hình 19

Cấp hiệu Phó Trưởng phòng Kiểm dịch thực vật - Cục Bảo vệ thực vật

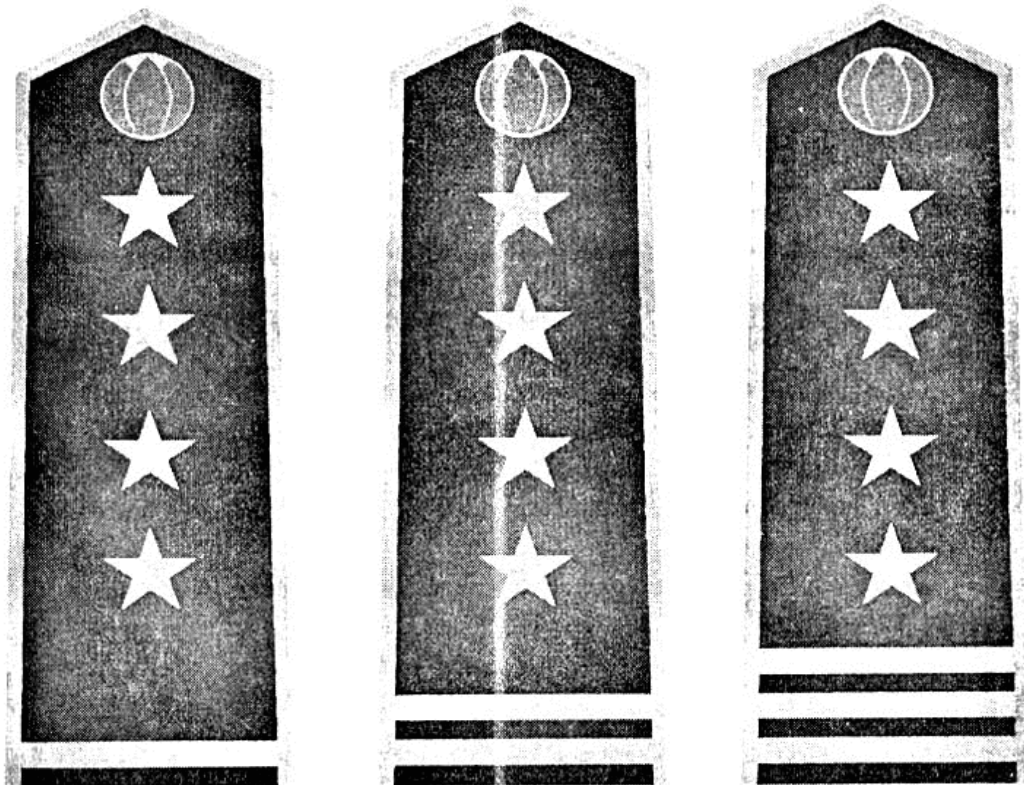


Hình 20

Cấp hiệu Trưởng phòng Kiểm dịch thực vật - Cục Bảo vệ thực vật



Hình 21
Cấp hiệu Phó Cục trưởng Cục Bảo vệ thực vật

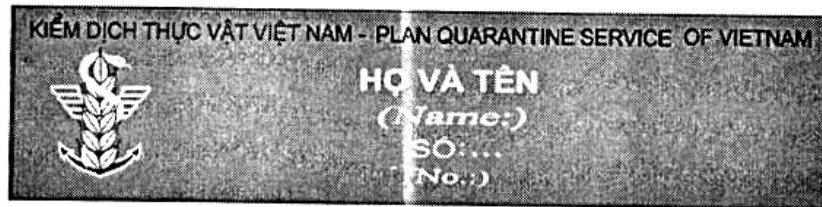


Hình 22
Cấp hiệu Cục trưởng Cục Bảo vệ thực vật

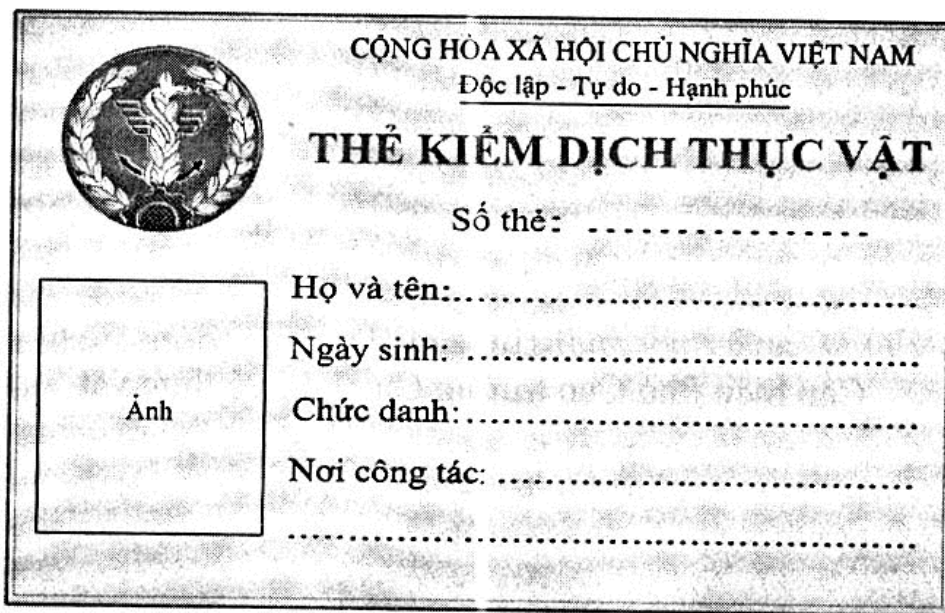
Phụ lục 3

BIÊN HIỆU, THẺ KIỂM DỊCH THỰC VẬT

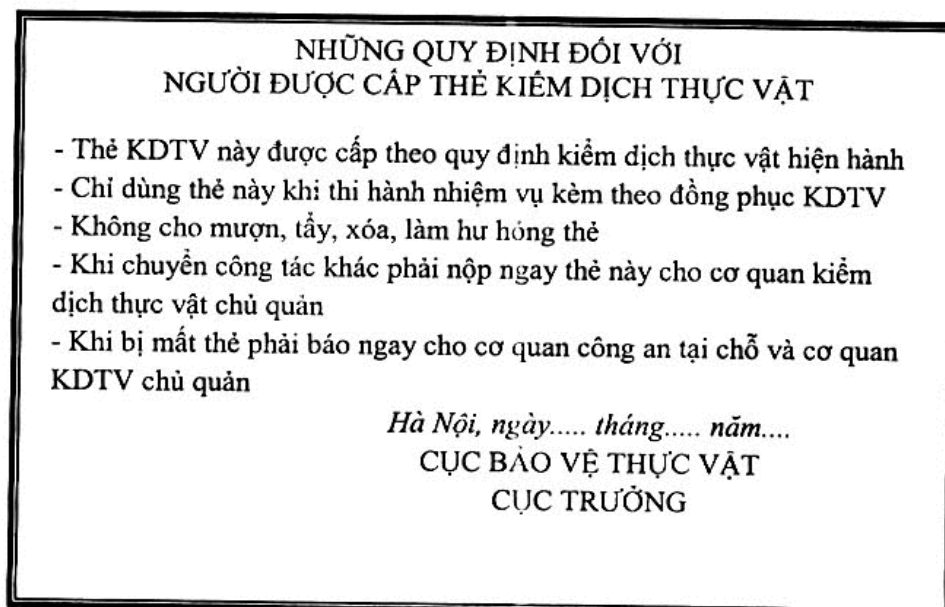
(ban hành kèm theo Quyết định số 58/2007/QĐ-BNN ngày 15 tháng 6 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)



Hình 23. Biên hiệu kiểm dịch thực vật



Hình 24. Thẻ kiểm dịch thực vật (mặt trước)



Hình 25. Thẻ kiểm dịch thực vật (mặt sau)